

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÒNG BỆNH VIÊM GAN B CỦA ĐIỀU DƯỠNG BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Trần Thị Phương Nhi¹, Thái Thị Thúy Vân¹, Nguyễn Thị Nhung¹, Phạm Bá Đăng¹

¹Khoa Khám bệnh - Bệnh viện Trung ương Huế

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhân viên y tế là người tiếp xúc với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp, đặc biệt nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường máu từ bệnh nhân, trong đó có vi rút viêm gan B. Nhân viên y tế nhất là điều dưỡng các khoa lâm sàng, là người trực tiếp chăm sóc bệnh nhân cần phải có kiến thức và thực hành trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình chuyên môn khi tiếp xúc với bệnh phẩm của bệnh nhân, nhất là bệnh nhân có HBsAg(+).

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 414 điều dưỡng khoa lâm sàng bệnh viện Trung ương Huế

Kết quả: Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức chung đúng về bệnh VGB chiếm 94,4%. Tỷ lệ điều dưỡng có thực hành chung đúng về phòng bệnh VGB chỉ chiếm 65,7%. Mức độ phù hợp giữa kiến thức phòng bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B rất chặt chẽ ($Kappa = 0,8$)

Kết luận: Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức chung đúng về bệnh viêm gan B rất cao tuy nhiên tỷ lệ thực hành đúng về bệnh viêm gan B còn chưa cao. Vì vậy bệnh viện cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của điều dưỡng, đặc biệt quy trình tiêm an toàn của điều dưỡng và quy trình xử trí khi bị tai nạn nghề nghiệp

Từ khóa: Điều dưỡng, viêm gan B nghề nghiệp, kiến thức, thực hành.

ABSTRACT

KNOWLEDGE AND PRACTICE ON HEPATITIS B VIRUS PREVENTION AMONG NURSES OF HUE CENTRAL HOSPITAL

Tran Thi Phuong Nhi¹, Thai Thi Thuy Van¹, Nguyen Thi Nhung¹, Pham Ba Dang¹

Background: Medical personnel are exposed to many harmful occupational factors, especially the risk of transmitting blood - borne diseases from patients, including hepatitis B virus. Healthcare workers, including nurses in clinical faculty who directly care patients, must have knowledge and practice in specialized procedures when they come in contact with patients and contaminated instruments, especially patients who tests positive for hepatitis B.

Method: A cross - sectional descriptive type of study was conducted in 414 nurses working in clinical faculty in Hue Central hospital.

Results: The result shows that the level of knowledge was good (94,4%) and practice level was satisfactory (65,7%) on HBV infection prevention related activities. The inter - rater reliability between knowledge prevention and implementation of hepatitis B was very good ($Kappa = 0.8$).

Ngày nhận bài:

21/7/2022

Ngày chỉnh sửa:

18/8/2022

Chấp thuận đăng:

28/8/2022

Tác giả liên hệ:

Trần Thị Phương Nhi

Email:

phuongnhibvh@gmail.com

SĐT: 0914696999

Conclusions: The study findings concluded that the majority of the respondents had good knowledge in HBV infection prevention. However, not all of them with good knowledge carried out good practices about to HBV infection prevention in their working place. Authority should be ensuring periodical training program to maintain continued good level of knowledge and practice for prevention HBV infection, especially safe injection practices and conducting in occupational accidents.

Keywords: Nurses, hepatitis B, knowledge, practice.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viêm gan B là một trong những bệnh truyền nhiễm phổ biến trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Theo Tổ chức Y tế thế giới ước tính rằng 257 triệu người đang sống chung với nhiễm viêm gan B mạn tính [1]. Nhân viên y tế là người tiếp xúc với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp, đặc biệt nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường máu từ bệnh nhân, trong đó có vi rút viêm gan B [2]. Vì vậy viêm gan B đã được đưa vào danh mục 34 bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm y tế ở nước ta [3]. Tổ Chức Y Tế Thế Giới đã thống kê hàng năm có 40% nhân viên y tế nhiễm vi rút viêm gan B liên quan đến vết thương xuyên da, chấn thương do vật sắc nhọn như: kim tiêm, mảnh thủy tinh... [4]. Do vậy, hơn ai hết nhân viên y tế nhất là điều dưỡng các khoa lâm sàng, là người trực tiếp chăm sóc bệnh nhân cần phải có kiến thức và thực hành trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình chuyên môn khi tiếp xúc với bệnh phẩm của bệnh nhân, nhất là bệnh nhân có HBsAg(+) để trước tiên là bảo vệ mình và sau đó là bảo vệ cho cộng đồng khỏi bị lây nhiễm vi rút viêm gan B [5 - 7]. Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm: (1) Xác định tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đúng và thực hành đúng trong việc phòng bệnh viêm gan B cho điều dưỡng. (2) Xác định mức độ phù hợp giữa kiến thức với thực hành phòng bệnh viêm gan B của điều dưỡng bệnh viện Trung ương Huế.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng khoa lâm sàng bệnh viện Trung ương Huế

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang với cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = \frac{z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu, α : mức ý nghĩa thống kê ($\alpha = 0,05$), p: tỷ lệ ước đoán, d: khoảng sai lệch.

Trong nghiên cứu của tác giả “Kiến thức, thực hành phòng bệnh VGB ở nhân viên y tế tại Trung tâm y tế Huyện Bồ Đăng, Tỉnh Bình Phước” kết quả của nghiên cứu có: Tỷ lệ kiến thức đúng của NVYT đạt 57,1%. Sử dụng tỉ lệ kiến thức trong nghiên cứu này áp dụng cho công thức tính cỡ mẫu trong nghiên cứu của tôi với $p = 0,571$ [8].

Từ đó tính được: $n = 1,962(0,571 \times 0,429)/0,052 = 376$

Thực tế qua thống kê BVTW Huế có 790 điều dưỡng khoa lâm sàng. Trên thực tế chúng tôi đã lấy được cỡ mẫu $n = 414$.

Tiêu chuẩn loại trừ: Nhân viên điều dưỡng đang đi học, công tác; Điều dưỡng không hoàn thành hết bộ câu hỏi; Điều dưỡng không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi tự điền, soạn sẵn; Công cụ thu thập số liệu: Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		n	Tỷ lệ %
Giới	Nam	41	9,9
	Nữ	373	90,1
Tuổi	Dưới 30	68	16,4
	30 - 39	206	49,8
	40 - 49	120	29,0
	> 50	20	4,8

Kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan B của điều dưỡng...

Đặc điểm		n	Tỷ lệ %
Trình độ học vấn	Trung cấp	28	6,8
	Cao đẳng	161	38,9
	Đại học	200	48,3
	Sau đại học	25	6

Số ĐD nữ trong nghiên cứu chiếm đa số 90,1%; độ tuổi tập trung chủ yếu dưới 40 tuổi chiếm 66,3%; trình độ đại học chiếm 48,9%.

3.2. Kiến thức chung đúng và thực hành chung đúng phòng bệnh viêm gan B

Bảng 2: Kiến thức chung đúng về phòng bệnh viêm gan B

Kiến thức chung đúng bệnh viêm gan B	n	Tỷ lệ %
Đúng	393	94,9
Chưa đúng	21	5,1
Tổng	414	100

Tỷ lệ ĐD có kiến thức đúng về phòng bệnh VGB chiếm 94,9%.

Bảng 3: Thực hành chung đúng phòng bệnh viêm gan B

Thực hành đúng về bệnh viêm gan B	n	Tỷ lệ %
Đúng	272	65,7
Chưa đúng	142	34,3
Tổng	414	100

Tỷ lệ ĐD có thực hành đúng về phòng bệnh VGB chiếm 65,7%.

3.3. Mức độ phù hợp giữa kiến thức với thực hành phòng bệnh viêm gan B

Bảng 4: Mức độ phù hợp giữa kiến thức về bệnh viêm gan B với thực hành phòng bệnh viêm gan B

Kiến thức về bệnh viêm gan B	Thực hành phòng bệnh VGB	
	Không	Đúng
Không đúng	22	210
Đúng	15	167
	Kappa = 0.01	

Mức độ phù hợp giữa kiến thức về bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B là rất ít (Kappa = 0,01)

Bảng 5: Mức độ phù hợp giữa kiến thức phòng bệnh viêm gan B với thực hành phòng bệnh viêm gan B

Kiến thức phòng bệnh viêm gan B	Thực hành phòng bệnh VGB	
	Không đúng	Đúng
Không đúng	40	192
Đúng	14	168
	Kappa = 0.8	

Mức độ phù hợp giữa kiến thức phòng bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B là rất chặt chẽ (Kappa = 0,8).

Bảng 6: Mức độ phù hợp giữa kiến thức xử trí phơi nhiễm viêm gan B với thực hành xử trí phơi nhiễm viêm gan B

Kiến thức phòng bệnh viêm gan B	Thực hành phòng bệnh VGB	
	Không đúng	Đúng
Không đúng	83	53
Đúng	54	224
	Kappa = 0,41	

Mức độ phù hợp giữa kiến thức xử trí phơi nhiễm viêm gan B và thực hành xử trí phơi nhiễm viêm gan B là trung bình (Kappa = 0,41)

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung

Nghiên cứu của chúng tôi tiến hành trên 414 ĐD là điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Trung ương Huế. Nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy nữ giới chiếm ưu thế với 90,1% so với nam giới 6,8%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Thị Bích Hải (2013) tỷ lệ nữ giới chiếm 80%; của Chu Hải Yến (2017) nữ giới chiếm đa số 70,9% [6, 8]. Do đặc thù của ngành điều dưỡng thường yêu cầu tuyển nhân viên nữ nhiều hơn nam do đó dẫn tới sự chênh lệch về tỉ lệ nam nữ.

Theo kết quả ở bảng 1 thể hiện độ tuổi tập trung chủ yếu dưới 40 tuổi chiếm 66,3%; độ tuổi từ 50 trở lên chỉ chiếm khoảng 4,8% số ĐD cho thấy nguồn lao động trẻ tuổi chiếm phần lớn. Kết quả này tương đương với nghiên cứu của Chu

Bệnh viện Trung ương Huế

Hải Yến (2017) độ tuổi tập trung chủ yếu dưới 40 tuổi chiếm 67,7% [8].

4.2. Kiến thức chung đúng và thực hành chung đúng phòng bệnh viêm gan B

Kiến thức chung đúng về phòng bệnh VGB của ĐD ở bảng 2 đạt 94,9%; cao hơn tỉ lệ kiến thức chung đúng của ĐD bệnh viện ung bướu Hà Nội trong nghiên cứu của Trần Thị Bích Hải 56,9% [6]; nghiên cứu Nguyễn Thị Mỹ Khánh 63,5% [9]; nghiên cứu Phan Hữu Kiệt 64,9% [10]; nghiên cứu Abiola 70,2% [11]; Adekanle 67% [12]. Trong nghiên cứu này, số ĐD được đưa vào khảo sát là điều dưỡng các khoa lâm sàng có tiếp xúc với lâm sàng, họ được học và trực tiếp làm việc trên bệnh nhân nên họ quan tâm đến sức khỏe hơn và được trang bị kiến thức tốt hơn. Hơn nữa Bệnh viện Trung Ương Huế là bệnh viện hạng đặc biệt, trình độ chuyên môn của điều dưỡng cao hơn so với các nghiên cứu khác, bệnh viện rất chú trọng vào công tác đào tạo, đào tạo lại nên kiến thức đúng về bệnh VGB cũng cao hơn.

Thực hành chung đúng phòng bệnh VGB ở bảng 3 cho thấy 65,7% ĐD thực hành chung đúng về phòng bệnh VGB. Kết quả này tương đương nghiên cứu của Trần Thị Bích Hải (65%) [6], nghiên cứu Chu Hải Yến 67,2% [8] tuy nhiên thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Diễm (90%) [5] và Abiola (84,5%) [11]. Việc thực hành phòng bệnh VGB hết sức cần thiết và là cách tốt nhất để có thể tránh lây nhiễm VGB. ĐD cần được nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm cũng như hiểu biết và thực hành phòng bệnh không những trong môi trường làm việc mà còn cả trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

4.3. Mức độ phù hợp giữa kiến thức với thực hành phòng bệnh viêm gan B

Mức độ phù hợp giữa kiến thức về bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B là rất ít ($Kappa = 0,01$). Khi so sánh với các nghiên cứu nước ngoài cũng như trong nước chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về mức độ phù hợp giữa kiến thức về bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B.

Mức độ phù hợp giữa kiến thức phòng bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B là rất chặt chẽ ($Kappa = 0,8$). Khi so sánh với các nghiên cứu nước ngoài cũng như trong nước chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về mức độ phù hợp giữa kiến

thức phòng bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B.

Mức độ phù hợp giữa kiến thức xử trí phơi nhiễm viêm gan B và thực hành xử trí phơi nhiễm viêm gan B là trung bình ($Kappa = 0,41$). Khi so sánh với các nghiên cứu nước ngoài cũng như trong nước chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về mức độ phù hợp giữa kiến thức xử trí phơi nhiễm viêm gan B và thực hành xử trí phơi nhiễm viêm gan B.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức chung đúng về bệnh VGB chiếm 94,4%. Tỷ lệ điều dưỡng có thực hành chung đúng về phòng bệnh VGB chỉ chiếm 65,7%. Mức độ phù hợp giữa kiến thức về bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B rất ít ($Kappa = 0,01$). Mức độ phù hợp giữa kiến thức phòng bệnh viêm gan B và thực hành phòng bệnh viêm gan B rất chặt chẽ ($Kappa = 0,8$). Mức độ phù hợp giữa kiến thức xử trí phơi nhiễm viêm gan B và thực hành xử trí phơi nhiễm viêm gan B là trung bình ($Kappa = 0,41$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Framework for Global Action: Prevention & Control of Viral Hepatitis Infection. 2015.
2. Nguyễn Thúy Quỳnh. Thực trạng nhiễm HBV và các yếu tố ảnh hưởng trong nhân viên y tế tại một số bệnh viện của Việt Nam, Y tế Công cộng, Cục Y tế Dự phòng và Môi trường. 2008.
3. Bộ Y tế. Quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội, Thông tư số 15/2016/TT-BYT. 2016:91-94.
4. WHO. Preventing needlesstick injury and occupational exposure to bloodborne pathogens, www.who.int/occupational_health/activities/3epidemiology.pdf accessed on 20/04/2017. 2017.
5. Nguyễn Thị Diễm. Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B của nhân viên y tế bệnh viện đa khoa tiền giang. Tạp chí Y học thực hành. 2009;849(9):24-27.
6. Trần Thị Bích Hải. Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến phòng bệnh viêm gan B nghề nghiệp của điều dưỡng bệnh viện Ung Bướu Hà Nội, Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Đại Học Y Tế Công Cộng. 2013.
7. Vũ Ngọc Long. Kiến thức, thái độ, thực hành của cán bộ y tế về giám sát viêm gan vi rút B, viêm gan vi rút C tại tỉnh Thái Bình năm 2015. Tạp chí y học dự phòng. 2015;16(13):1-5.

Kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan B của điều dưỡng...

8. Chu Hải Yến. Kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan siêu vi B của nhân viên y tế tị trung tâm y tế huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y học dự phòng, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. 2017.
9. Nguyễn Thị Mỹ Khánh. Kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan B nghề nghiệp của điều dưỡng lâm sàng bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre năm 2018. Tạp chí Y học thực hành. 2019;1091(3):55-58.
10. Phạm Hữu Kiệt. Kiến thức, thực hành dự phòng viêm gan virus B nghề nghiệp của điều dưỡng các khoa lâm sàng bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang năm 2020. Tạp chí Y học dự phòng. 2020;30(6):121-129.
11. Abiola A. Knowledge, attitude and practice of hepatitis B vaccination among health workers at the Lagos State accident and emergency centre, Toll-Gate, Alausa, Lagos State. West Afr J Med. 2013;32(4):257-62.
12. Adekanle O, Ndububa D. Knowledge of hepatitis b virus infection, immunization with hepatitis b vaccine, risk perception, and challenges to control hepatitis among hospital workers in a Nigerian tertiary hospital. Hepat Res Treat. 2015;2015:439867.